

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11/02/2026
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Triệu Văn Mẫn.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Trần Thị Miên
2. Bà Triệu Thị Biên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Hà Trọng Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/01/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nông Thị H; sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị H trình bày:

Chị Nông Thị H và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn cũ), nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chung sống không hạnh phúc. Chị H và anh C đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2025 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị H và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung tên là Nguyễn Hải N, sinh ngày 30/8/2017 và Nguyễn Khánh C, sinh ngày 30/01/2020. Hiện nay cả hai con đang sinh sống với anh C tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi ly hôn chị H nhất trí cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo yêu cầu của anh C, với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000/con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh, được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Anh C có gửi bản tự khai đến Tòa án, nội dung bản tự khai thể hiện nhất trí ly hôn với chị H, về con chung anh C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, về cấp dưỡng yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con chung, với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000/con. Về tài sản chung, nợ chung anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị H và anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn trình bày rõ quan điểm nhất trí ly hôn và nhất trí giao cả hai con chung cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, về cấp dưỡng nuôi con đều thống nhất với mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000/con. Về tài sản chung, nợ chung đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; về thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nông Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn C; Về con chung: Giao cả hai con chung tên là Nguyễn Hải N, sinh ngày 30/8/2017 và Nguyễn Khánh C sinh ngày 30/01/2020 cho anh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con giữa nguyên đơn và bị đơn, cụ thể: Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cả hai con chung, với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000/con.

Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nông Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên theo quy định tại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Căn cứ đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn cũ), nay là UBND xã C, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 27/02/2018 là hôn nhân hợp pháp. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình chung sống giữa vợ chồng chị H và anh C có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2025 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án giữa chị H và anh C đều có quan điểm muốn được ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị Nông Thị H và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung, con lớn tên là Nguyễn Hải N, sinh ngày 30/8/2017 và con nhỏ tên là Nguyễn Khánh C, sinh ngày 30/01/2020. Quá trình giải quyết vụ án anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung vì hiện nay các con chung đang sống chung với anh C. Chị H cũng nhất trí giao cả hai con chung anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Như vậy, giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con và đúng quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H và anh C đều thống nhất mức cấp dưỡng nuôi cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi với tổng số tiền là 2.000.000/tháng, cụ thể: Cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hải N với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Khánh C với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy việc thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật cần chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung con lớn tên Nguyễn Hải N, sinh ngày 30/8/2017 và con nhỏ tên là Nguyễn Khánh C, sinh ngày 30/01/2020 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, cụ thể:

+ Cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hải N với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng.

+ Cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Khánh C với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng.

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, chị Nông Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Riêng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0002689 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS Khu vực 7 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Triệu Văn Mẫn